

Kh¹ a h c :	L p h c : 36CCĐ5	N¹ m h c : 2013-2014	ñ VHT : 3 (45,0,0,0,0,0)
H ñT :	H c ph n : 131017200303 - V t l i u x ^a y d n g	H c km : HK01	

STT	Mí S	L P SV	H Òi Tíc N	NGÀY SINH	ñI M THİ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671041608	36CCĐ5	Tr ñng M ñnh C ñng	11/01/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	6.5	4.6	7.0	
2	3671041880	36CCĐ5	Nguy ñ VÑñ Ch t	01/01/1993				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	7.0	4.9	7.4	
3	3671041835	36CCĐ5	Tr ñng ñ ñnh B o Duy	05/10/1994				5.0	5.0	5.0	5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
4	3671041927	36CCĐ5	Cao VÑñ Đñğ	14/07/1993				5.0	6.0	7.0	6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
5	3671041904	36CCĐ5	Tr ñ Qu c Đñğ	06/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3671042018	36CCĐ5	Tr ñ Xu³ ñ Đ ñng	08/02/1993				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	2.0	1.4	1.9	N HP
7	3671041659	36CCĐ5	Hoàng ñ t	25/09/1993				4.0	5.0	5.0	4.7	1.4	5.5	3.9	5.3	
8	3671041932	36CCĐ5	Hoàng Minh H i	12/04/1994				3.0	4.0	5.0	4.0	1.2	7.0	4.9	6.1	
9	3671041971	36CCĐ5	Nguy ñ Thñññ Hi u	11/10/1992				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	4.0	2.8	3.3	
10	3671041673	36CCĐ5	Huñññ Quang Hi u	23/04/1994				5.0	5.0	5.0	5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
11	3671041923	36CCĐ5	Nguy ñ VÑñ Hi u	02/06/1994				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	4.5	3.2	3.7	N HP
12	3671041929	36CCĐ5	Tr ñ Trung Hi u	11/11/1994				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	4.0	2.8	5.0	
13	3671041831	36CCĐ5	Huñññ Xu³ ñ Hoàng	31/01/1994				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
14	3571010025	35CCĐ2	L² Kh c Hoàng	04/12/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
15	3671041656	36CCĐ5	L² B o Huy	11/06/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	6.5	4.6	6.9	
16	3671041926	36CCĐ5	Nguy ñ Ph c Huy	16/05/1994				4.0	4.0	5.0	4.3	1.3	1.0	0.7	2.0	
17	3471010158	34CLC-CD	Ngô Xuân H u	15/08/1992				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	3.0	2.1	2.6	
18	3671041625	36CCĐ5	H Th Ki t	22/12/1993				5.0	7.0	7.0	6.3	1.9	1.0	0.7	2.6	
19	3671041888	36CCĐ5	L² VÑñ Khanh	12/07/1993				5.0	7.0	7.0	6.3	1.9	5.0	3.5	5.4	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N h c : 2013-2014 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131017200303 - V t l i u x^a y đ ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041579	36CCĐ5	H o ã ã nh	Linh	30/08/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	7.0	4.9	7.4	
21	3671042045	36CCĐ5	X ã nh Ph i	Linh	10/11/1993				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	6.0	4.2	6.7	N HP
22	3671041560	36CCĐ5	L u V ã	Long	01/01/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	4.8	3.4	5.9	
23	3571010668	35CCĐ1	H Qu c	Ph ng	20/09/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
24	3671041535	36CCĐ5	Nguy n Kh c Ph ng	Quang	10/09/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	6.5	4.6	6.6	
25	3671041647	36CCĐ5	Nguy n Thanh	Quân	21/03/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	6.0	4.2	6.2	
26	3671041885	36CCĐ5	Tô Minh	Quý	07/12/1994				9.0	9.0	8.0	8.7	2.6	4.5	3.2	5.8	
27	3671041930	36CCĐ5	Nguy n V ã	Sang	06/06/1992				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	4.5	3.2	5.1	
28	3671041998	36CCĐ5	Nguy n V ã	Sinh	25/09/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	4.0	2.8	5.1	
29	3671041642	36CCĐ5	ñ ã V ã	S n	01/02/1994				6.0	7.0	8.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
30	3671041856	36CCĐ5	Hoàng Minh	Tài	20/08/1994				4.0	5.0	6.0	5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
31	3671042031	36CCĐ5	L ² Nh t	Tân	06/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3671041569	36CCĐ5	ñ ng H u	Ti n	07/11/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
33	3671041830	36CCĐ5	D ng Ng c	Ti n	16/10/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	7.0	4.9	7.2	
34	3671041621	36CCĐ5	L ng Anh	Ti n	02/04/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	5.0	3.5	5.8	
35	3671041652	36CCĐ5	Nguy n H u	Ti n	22/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3671041653	36CCĐ5	Ph m Ng c	Tuân	10/07/1992				9.0	9.0	9.0	9.0	2.7	6.5	4.6	7.3	
37	3671041662	36CCĐ5	Tô Thanh	Tu n	20/07/1993				5.0	5.0	6.0	5.3	1.6	2.5	1.8	3.4	
38	3671041635	36CCĐ5	Nguy n Ho ã	Tú	12/02/1994				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	7.5	5.3	5.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CCĐ5 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200303 - V t li u x ấ y đ ng H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041616	36CCĐ5	Nguy n C ấ ng	Th ấ nh	23/11/1993				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	5.0	3.5	4.0	
40	3671041901	36CCĐ5	ấ ng B ấ	Th i	06/09/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	6.5	4.6	7.0	
41	3671041829	36CCĐ5	Tr n Ch ấ	Th i n	04/05/1994				5.0	5.0	6.0	5.3	1.6	6.0	4.2	5.8	
42	3671041622	37CCD3	L 2 Qu c	Th nh	26/12/1994				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	6.0	4.2	4.7	
43	3671041639	36CCĐ5	L 2 Ng c	Th ấ ng	28/10/1994				4.0	5.0	6.0	5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
44	3471010321	34CCD1	Hu nh Ng c	Thu n	04/05/1991				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	
45	3671041837	36CCĐ5	V ng Hu nh	Tri u	13/12/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	4.5	3.2	3.2	
46	3671041574	36CCĐ5	Nguy n H ấ ng Gia	Uy	22/11/1994				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
47	3671041985	36CCĐ5	V ồ Th ấ nh	Uy ấ n	10/04/1994				0.0	0.0	5.0	1.7	0.5	2.5	1.8	2.3	N HP
48	3671041571	36CCĐ5	T ồ Th ấ i	V i n	14/08/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.5	3.9	5.9	
49	3671041959	36CCĐ5	Tr n Qu c	V i t	30/03/1994				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	9.0	6.3	8.7	
50	3671041893	36CCĐ5	V ấ V ấ ấ	V i nh	08/03/1993				5.0	5.0	5.0	5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
51	3671041951	36CCĐ5	Nguy n S	V ồ	17/03/1992				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
52	3671041845	36CCĐ5	Tr nh H u	Ý	06/01/1994				3.0	5.0	5.0	4.3	1.3	4.0	2.8	4.1	N HP

T ng s : 52 h c sinh sinh v i 2 n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi ồ V i 2 n B M ấ n

Gi ồ V Khoa